

Số: 486 /QĐ-TTKN

Hà Nội, ngày 12 tháng 5 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**V/v cấp Giấy chứng nhận sản phẩm sản xuất trong nước
phù hợp Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia**

**GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM,
KIỂM NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN**

Căn cứ Quyết định số 1109/QĐ-BNNMT ngày 25/4/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản trực thuộc Cục Thủy sản và Kiểm ngư;

Căn cứ văn bản số 1078/TĐC-HCHQ ngày 29/3/2024 của Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng và văn bản số 356/GCN-BKHHCN ngày 06/9/2024 của Bộ Khoa học và Công nghệ về chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận của Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định nuôi trồng thủy sản;

Xét báo cáo ngày 06/5/2025 của Đoàn đánh giá và kết quả thẩm xét hồ sơ chứng nhận;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Chứng nhận và Kiểm nghiệm.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bổ sung 02 sản phẩm thức ăn thủy sản sản xuất trong nước phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật QCVN 02-31-2:2019/BNNPTNT vào Giấy chứng nhận số HQ.05.0.23.04387 ban hành kèm theo Quyết định số 4525/QĐ-TTKN-KNKĐ ngày 24/11/2023 của Giám đốc Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định nuôi trồng thủy sản cấp cho Công ty TNHH một thành viên Provimi, địa chỉ: Đường số 5, khu công nghiệp Giang Điền, xã Giang Điền, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai. Thông tin chi tiết (Phụ lục) và kết quả thử nghiệm của các sản phẩm nêu trên kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký và thời hạn chứng nhận được thực hiện theo Quyết định số 4525/QĐ-TTKN-KNKĐ ngày 24/11/2023, Công ty TNHH một thành viên Provimi được phép sử dụng Giấy chứng nhận, dấu hợp quy (CR) theo hướng dẫn tại Website của Trung tâm.

Điều 3. Trưởng phòng Chứng nhận và Kiểm nghiệm; Trưởng phòng Quản lý dịch vụ và Khách hàng; Công ty TNHH một thành viên Provimi, các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở NN&MT tỉnh Đồng Nai;
- Giám đốc Trung tâm (b/c);
- Trung tâm Vùng II;
- Văn phòng TT (BBT Website);
- Lưu: VT, CNKN.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Hà Thanh Tùng



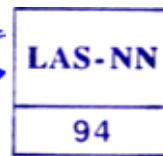
Phụ lục
DANH MỤC CÁC SẢN PHẨM CHỨNG NHẬN HỢP QUY
(Kèm theo Quyết định số 486/QĐ-TTNN ngày 12 tháng 5 năm 2025
của Giám đốc Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản)

STT	Tên sản phẩm	Địa điểm sản xuất	Mã số hợp quy	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia phù hợp
1.	CM EXTRAMIX MINERALS 2025	Đường số 5, khu công nghiệp Giang Điền, xã Giang Điền, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai	HQ.05.0.23.04387-23	QCVN 02-31-2:2019/BNNPTNT
2.	VITASOL E+		HQ.05.0.23.04387-24	



TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM,
KIỂM NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN
TRUNG TÂM VÙNG I

ĐC/Addr: số 9 Nguyễn Văn Cừ, P. An Bình, Q. Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ
ĐT/Phone: 024 3724 6077 (nhánh số 6) hoặc 092 327 9799
Email: 3k.trungtamvung1@gmail.com



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

ANALYTICAL REPORT

Số/No.: 4663/2025/TTVI-KN

Tên khách hàng/Customer name ⁽¹⁾ : Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định nuôi trồng thủy sản Vùng II

Địa chỉ/Address ⁽¹⁾ : 135A Pasteur, phường Võ Thị Sáu, quận 3, Tp. Hồ Chí Minh

Người gửi mẫu/Delivered by ⁽¹⁾ : Vũ Thành

Mô tả mẫu/Sample description ⁽¹⁾ : Thức ăn bổ sung dùng trong nuôi trồng thủy sản

Mã số mẫu/Sample code : 13212505074

Ngày nhận mẫu/Receiving date : 07/05/2025

Ngày phân tích/Analysing date : 07/05/2025

Tên mẫu/ Sample name ⁽¹⁾	Chỉ tiêu/ Parameters ⁽¹⁾	ĐVT/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp thử/ Test method
0525062/hqv2 CM EXTRAMIX MINERALS 2025	Asen (As) vô cơ (**)	mg/kg (LOQ=0,9)	KPH	EN 16278:2012
	Chì (Pb)	mg/kg (LOQ=0,6)	6,13	TCVN 9588:2013
	Cadimi (Cd)	mg/kg (LOQ=0,15)	0,36	TCVN 9588:2013
	Thủy ngân (Hg) (**)	mg/kg (LOQ=0,05)	KPH	EN 16277:2012

Cần Thơ, ngày/date: 09/05/2025

GIÁM ĐỐC/DIRECTOR



Nguyễn Đình Xuân Quý

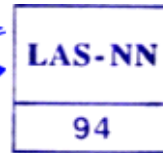
Ghi chú/ Note:

- Tất cả các chỉ tiêu đã được chứng nhận hoạt động bởi Bộ chủ quản/All parameters have been certified to operate by the specialized Ministry.
- (*) Chỉ tiêu đã được công nhận ISO/IEC 17025/ Parameters have been accredited by ISO/IEC 17025.
- (**) Chỉ tiêu được Bộ chuyên ngành chỉ định/ Parameters have been designated by the specialized Ministry.
- (#) Kết quả phân tích do nhà thầu phụ thực hiện/ Analysis results performed by subcontractors.
- KPH/ND: Không phát hiện/ Not detected; PH: phát hiện/detected.
- LOQ: Giới hạn định lượng/Limit of Quantitation. LOD: Giới hạn phát hiện/ Limit of Detection. MDL: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/Method Detection Limit.
- ⁽¹⁾ Thông tin do khách hàng cung cấp hoặc yêu cầu/ Information provided or requested by the customer.
- Không được sao chép một phần hay toàn bộ kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám đốc Trung tâm Vùng I/ This above result shall not reproduced, partly or fully, unless written approval of Director of ASTAC I.
- Khiếu nại kết quả chỉ giải quyết trong thời gian lưu mẫu/Complaints about results will only be resolved during the sample retention period.
- Kết quả phân tích trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm/ The analysis results in this sheet are only valid on the test sample.



TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM,
KIỂM NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN
TRUNG TÂM VÙNG I

ĐC/Addr: số 9 Nguyễn Văn Cừ, P. An Bình, Q. Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ
ĐT/Phone: 024 3724 6077 (nhánh số 6) hoặc 092 327 9799
Email: 3k.trungtamvung1@gmail.com



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
ANALYTICAL REPORT
Số/No.: 4685/2025/TTVI-KN

Tên khách hàng/Customer name ⁽¹⁾ : Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định nuôi trồng thủy sản Vùng II
Địa chỉ/Address ⁽¹⁾ : 135A Pasteur, phường Võ Thị Sáu, quận 3, Tp. Hồ Chí Minh
Người gửi mẫu/Delivered by ⁽¹⁾ : Vũ Thành
Mô tả mẫu/Sample description ⁽¹⁾ : Thức ăn bổ sung dùng trong nuôi trồng thủy sản
Mã số mẫu/Sample code : 13212505075
Ngày nhận mẫu/Receiving date : 07/05/2025
Ngày phân tích/Analysing date : 07/05/2025

Tên mẫu/ Sample name ⁽¹⁾	Chỉ tiêu/ Parameters ⁽¹⁾	ĐVT/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp thử/ Test method
0525063/hqv2 VITASOL E+	Asen (As) vô cơ (**)	mg/kg (LOQ=0,9)	KPH	EN 16278:2012
	Chì (Pb)	mg/kg (LOQ=0,6)	KPH	TCVN 9588:2013
	Cadimi (Cd)	mg/kg (LOQ=0,15)	<0,15	TCVN 9588:2013
	Thủy ngân (Hg) (**)	mg/kg (LOQ=0,05)	KPH	EN 16277:2012
	Escherichia coli (*)(**)	CFU/g	<10	TCVN 7924-2:2008
	Salmonella spp. (*)(**)	/25g	KPH	TCVN 10780-1:2017

Cần Thơ, ngày/date: 10/05/2025

GIÁM ĐỐC/DIRECTOR



Nguyễn Đình Xuân Quý

Ghi chú/ Note:

- Tất cả các chỉ tiêu đã được chứng nhận hoạt động bởi Bộ chủ quản/All parameters have been certified to operate by the specialized Ministry.
- (*) Chỉ tiêu đã được công nhận ISO/IEC 17025/ Parameters have been accredited by ISO/IEC 17025.
- (**) Chỉ tiêu được Bộ chuyên ngành chỉ định/ Parameters have been designated by the specialized Ministry.
- (#) Kết quả phân tích do nhà thầu phụ thực hiện/ Analysis results performed by subcontractors.
- KPH/ND: Không phát hiện/ Not detected; PH: phát hiện/detected.
- LOQ: Giới hạn định lượng/Limit of Quantitation. LOD: Giới hạn phát hiện/ Limit of Detection. MDL: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/Method Detection Limit.
- ⁽¹⁾ Thông tin do khách hàng cung cấp hoặc yêu cầu/ Information provided or requested by the customer.
- Không được sao chép một phần hay toàn bộ kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám đốc Trung tâm Vùng I/ This above result shall not reproduced, partly or fully, unless written approval of Director of ASTAC I.
- Khiếu nại kết quả chỉ giải quyết trong thời gian lưu mẫu/Complaints about results will only be resolved during the sample retention period.
- Kết quả phân tích trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm/ The analysis results in this sheet are only valid on the test sample.